|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**  ––––– | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ––––––––––––––––––––––– |

**Phụ lục II**

**CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ MUA SẮM, CẢI TẠO, NÂNG CẤP**

**TÀI SẢN LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

*(Kèm theo văn bản số ……..../BTC-HCSN ngày …../3/2024 của Bộ Tài chính)*

**I. Về đánh giá pháp luật về công nghệ thông tin mua sắm, cải tạo, nâng cấp tài sản lĩnh vực công nghệ thông tin; thuê dịch vụ công nghệ thông tin:**

**1. Về thuê dịch vụ công nghệ thông tin:**

Bộ Tài chính đã có công văn số 13040/BTC-HCSN ngày 28/11/2023 gửi VPCP tham gia dự thảo Thông báo Kết luận của PTTgCP tại cuộc họp ngày 27/10/2023, trong đó đã nêu:

(1) Quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP:

- Khoản 5 Điều 3 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP giải thích từ ngữ như sau: “*5. Dự án ứng dụng công nghệ thông tin là một tập hợp các hoạt động có liên quan đến việc nghiên cứu, bỏ vốn để mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin, thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu để phát triển, duy trì, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, hiệu quả vận hành trong một thời hạn nhất định. Ở giai đoạn chuẩn bị, dự án ứng dụng công nghệ thông tin được thể hiện thông qua báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế-kỹ thuật*.”

- Mục 4 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định quản lý dự án thuê dịch vụ CNTT: Từ Điều 48-50 quy định về lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin; hợp đồng; thuê dịch vụ công nghệ thông tin tập trung.

- Điều 51, Điều 52 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định quản lý thực hiện hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước và Quản lý thực hiện hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước.

(2) Tại khoản 3 Điều 53 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công: “*3. Bãi bỏ quy định tại khoản 2 Điều 6, Điều 46, Điều 47 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.*”

- Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định: *“2. Đối với dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước (sau đây gọi là dự án thuê), trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật đầu tư công và các quy định về quản lý chi phí, quản lý chất lượng tại Mục 3 Chương này.”*

- Điều 46 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định về Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Điều 47 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định Nội dung Báo cáo nghiên .cứu khả thi dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

Như vậy, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP có quy định về thuê dịch vụ công nghệ thông sử dụng kinh phí chi thường xuyên. Tuy nhiên, thuê dịch vụ công nghệ thông tin là một hoạt động thuộc dự án ứng dụng công nghệ thông tin nên vẫn thuộc danh mục ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định tại điểm l khoản 10 Điều 3 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) giai đoạn 2021 - 2025 quy định: *Công nghệ thông tin thuộc ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021 - 2025: hạ tầng thông tin số, kinh tế số; hiện đại hóa công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng và Nhà nước; ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu; các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ quốc gia dùng chung; an toàn, an ninh mạng*.

**2. Về mua sắm, cải tạo, nâng cấp tài sản lĩnh vực công nghệ thông tin:**

**2.1. Luật Công nghệ thông tin (CNTT) năm 2006**

Điều 62. Đầu tư của Nhà nước cho CNTT

Điều 63. Đầu tư cho sự nghiệp ứng dụng và phát triển CNTT

1. Ngân sách nhà nước chi cho sự nghiệp ứng dụng và phát triển CNTT được sử dụng vào các mục đích sau đây:

**(**1) Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước; trong đó khoản 1 Điều 27 (Đầu tư cho ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước):

*1. Kinh phí đầu tư cho ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước bao gồm kinh phí ngân sách nhà nước (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.*

(2) Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (NSNN); trong đó Điều 16 (Lập dự án ứng dụng CNTT)

*1. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập Dự án khả thi ứng dụng CNTT, Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo đầu tư và chịu trách nhiệm về các nội dung yêu cầu được đưa ra trong hồ sơ dự án.*

*5. Vốn sự nghiệp trong dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp.*

(3) Nghị quyết số [26/NQ-CP](https://hethongphapluat.com/docs/go/c38c55788281a5c034eb0d8fb18cf9cd/" \t "_blank" \o "Nghị quyết 26/NQ-CP) ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; trong đó khoản 2, khoản 3 mục III (Tổ chức thực hiện):

*“2. Bộ Tài chính:*

*b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông cân đối và trình cấp thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ liên quan thuộc Chương trình hành động này; bảo đảm ưu tiên phân bổ kinh phí cho CNTT và các nhiệm vụ thuộc Chương trình hành động này.*

*3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:*

*a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông ưu tiên, bảo đảm đủ nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển, vốn đầu tư công để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình hành động này nói riêng và cho các chương trình, đề án, dự án dự án ứng dụng, phát triển CNTT nói chung*”.

(4) Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử; trong đó khoản 4, khoản 5 mục IV (Các giải phấp chủ yếu):

“*4. Bộ Tài chính*

*b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương bố trí kinh phí chi thường xuyên nguồn NSNN để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Chính phủ điện tử.*

*5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư*

*a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương bố trí kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn NSNN để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Chính phủ điện tử”.*

(5) Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020; trong đó Khoản 2 mục IV (Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình)

*“2. Bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển, nguồn chi sự nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác (vốn ODA; kinh phí khoa học công nghệ; Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; đầu tư theo hình thức đối tác công tư) để thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động của Chương trình”.*

(6) Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn NSNN; trong đó khoản 1 Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh):

*“1. Nghị định này quy định quản lý các hoạt động ứng dụng CNTT sau đây:*

*a) Dự án ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn NSNN;*

*b) Các hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn NSNN”.*

(7) Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; trong đó khoản 4, khoản 5 Điều 2 (Tổ chức thực hiện):

*4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì thực hiện giải pháp quy định tại khoản 8 mục VI Điều 1 Quyết định này đối với nguồn vốn đầu tư phát triển;*

*5. Bộ Tài chính: Chủ trì thực hiện giải pháp quy định tại khoản 8 mục VI Điều 1 Quyết định này đối với nguồn vốn thường xuyên; chủ trì tổng hợp, bố trí vốn chi thường xuyên hàng năm theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn liên quan để triển khai Chiến lược.*

**2.2. Pháp luật để cân đối NSNN cho bảo đảm an toàn thông tin mạng:**

(1) Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19/11/2015:

*- Điều 5, Khoản 4: Nhà nước bố trí kinh phí để bảo đảm an toàn thông tin mạng của cơ quan nhà nước và an toàn thông tin mạng cho hệ thống thông tin quan trọng quốc gia.*

*- Điều 52, Khoản 9: giao Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật.*

(2) Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; trong đó khoản 2, khoản 3 Điều 24 (Kinh phí bảo đảm an toàn thông tin):

*2. Kinh phí đầu tư cho an toàn thông tin sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của**[Luật đầu tư công](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Luat-Dau-tu-cong-2014-238646.aspx" \t "_blank).*

*3. Kinh phí thực hiện giám sát, đánh giá, quản lý rủi ro an toàn thông tin; đào tạo ngắn hạn, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, diễn tập an toàn thông tin và ứng cứu sự cố của cơ quan, tổ chức nhà nước được cân đối bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, tổ chức nhà nước đó theo phân cấp của**NSNN*

(3) Quyết định số 898/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020; trong đó điểm a, điểm b khoản 2 mục V (Kinh phí thực hiện):

*a) Nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương theo chương trình đầu tư công thuộc nhóm chương trình mục tiêu phát triển ngành CNTT được phân bổ để thực hiện các dự án thuộc Danh mục trong Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.*

*b) Nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Danh mục trong Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.*

(4) Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia; trong đó khoản 2 Điều 17 (Kinh phí):

*“2. Kinh phí thực hiện các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương (bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) và được quản lý, sử dụng, thanh quyết toán theo phân cấp ngân sách quy định tại Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành”.*

(5) Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ CNTT phục vụ chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; trong đó điểm c khoản 1 mục IV (Tổ chức thực hiện):

*“Bảo đảm kinh phí (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Quyết định này; tăng cường thuê dịch vụ để triển khai hoạt động Giám sát an toàn thông tin mạng trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương mình”.*

3. Hiện nay Bộ TTTT đã có công văn số 469/BTTTT-CĐSQG ngày 01/2/2024 lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP của các bộ ngành, địa phương. Theo kế hoạch tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán NSNN năm 2024, Bộ TTTT sẽ trình Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP vào tháng 9/2024./.